



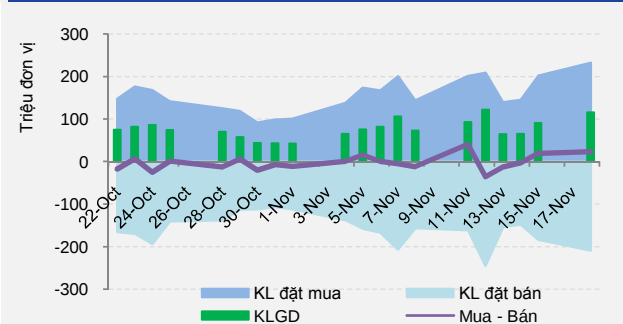
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 18/11/2013

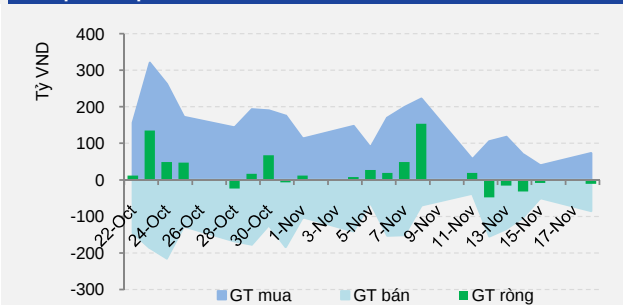
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	506.5	64.4
% Thay đổi	↑ 1.0%	↑ 0.7%
KLGD (CP)	115,879,988	53,435,464
GTGD (tỷ đồng)	1,526.06	406.03
Tổng cung (CP)	208,902,670	88,489,400
Tổng cầu (CP)	232,357,600	89,168,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,107,956	632,480
KL mua (CP)	2,457,430	255,600
GTmua (tỷ đồng)	73.49	2.71
GT bán (tỷ đồng)	84.50	8.10
GT ròng (tỷ đồng)	(11.01)	(5.39)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.10%	7.2	1.7	2.8%
Công nghiệp	↑ 1.31%	233.2	1.1	24.9%
Dầu khí	↑ 0.97%	7.3	1.4	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.83%	13.9	1.8	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.43%	8.5	2.8	1.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.10%	12.5	5.2	13.5%
Ngân hàng	↑ 0.61%	6.5	1.3	3.3%
Nguyên vật liệu	↑ 0.46%	9.9	2.0	9.3%
Tài chính	↑ 1.05%	15.2	2.3	32.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 1.40%	8.8	3.3	7.7%
VN - Index	↑ 1.03%	12.8	2.9	79.5%
HNX - Index	↑ 0.72%	16.8	1.5	20.5%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,532,930	1.3%	727,010	0.6%
GTGD (tỷ VND)	43,551	2.9%	15,907	1.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm mạnh qua ngưỡng cản kỹ thuật 503-505 điểm với KLGD tích cực. Chỉ số HNX-Index cũng tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước. Nhóm cổ phiếu Bluechips tiếp tục hỗ trợ thị trường chung, tạo nền tảng giúp dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào nhóm cổ phiếu penny thuộc khối vận tải, VLXD, BĐS.

Thị trường tăng mạnh dần về cuối phiên, tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật với thanh khoản cao là tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Phiên tăng điểm tạo một khoảng trống lớn so với phiên trước cho thấy động lực thị trường khá mạnh. Tuy nhiên, xét chi tiết theo nhóm cổ phiếu, áp lực cung giá cao tại nhiều cổ phiếu đang tăng đáng kể, và RSI của HNX-Index đang tiến vào vùng quá mua. VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mốc 505 điểm trong phiên ngày mai, lấp đầy khoảng trống vừa thiết lập, HNX-Index kiểm định mốc 63 điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn. Ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm tiếp theo là khoảng 513 điểm đối với VN-Index, 66 điểm đối với HNX-Index. Giai đoạn dao động tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 5.14 điểm (1.03%) so với phiên trước, lên 506.48 điểm.

- HNX-Index tăng 0.46 điểm (0.72%), lên 64.39 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 63.32 điểm.

- Nhiều tập đoàn đa quốc gia đang chuyển cơ sở sản xuất khỏi Trung Quốc khi chi phí nhân công của Quốc gia này đang gia tăng nhanh chóng. Việc này đang mang lại cơ hội cho những quốc gia châu Á khác, nơi có giá nhân công rẻ hơn, trong đó có Việt Nam. Việt Nam đang là một trong những điểm đến của doanh nghiệp Nhật, với tổng vốn đầu tư năm 2013 tăng gấp đôi năm trước.

- Nghị định 151/2013/NĐ-CP có quy định cho phép SCIC được đấu giá bán cả lô cổ phần để đảm bảo thành công khi cần bán hết vốn tại doanh nghiệp. Với quy định này, SCIC được bán toàn bộ doanh nghiệp cho một nhà đầu tư với giá phù hợp giá trị của doanh nghiệp, không cần đảm bảo giá cao hơn mệnh giá. Hiện tại, trên TTCK, một vấn đề hạn chế nhà đầu tư mua lại doanh nghiệp thua lỗ là họ không được quyền kiểm soát doanh nghiệp. Có thể kỳ vọng dòng tiền mua lại doanh nghiệp được đẩy mạnh, khi nhà đầu tư được mua cả lô cổ phần để sở hữu doanh nghiệp.

- Để tận dụng nguồn vốn từ ngân hàng đang thừa thanh khoản và mặt bằng lãi suất đang ở mức rất thấp nên các tổ chức đã nhảy vào cuộc chạy đua phát hành TPDN. Theo tính toán của Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam, 3 quý đầu năm 2013 thị trường đã huy động 28 nghìn tỉ đồng từ TPDN. Trong những tháng cuối năm, thị trường TPDN sơ cấp dự kiến sẽ tiếp tục sôi động.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 5.14 điểm (1.03%) so với phiên trước, lên 506.48 điểm.

- KLGD tăng 25% so với phiên trước, lên 113 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 63 điểm, tâm lý thị trường đang rất tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt lên phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm mạnh qua ngưỡng cản kỹ thuật 503-505 điểm với KLGD tích cực. Nhóm cổ phiếu Bluechips tiếp tục hỗ trợ thị trường chung, tạo nền tảng giúp dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào nhóm cổ phiếu penny thuộc khối vận tải, VLXD, BĐS.

Thị trường tăng mạnh dần về cuối phiên, tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật với thanh khoản cao là tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Phiên tăng điểm tạo một khoảng trống lớn so với phiên trước thể hiện động lực thị trường khá mạnh. Thị trường dự báo tiếp tục tăng điểm trong phiên ngày mai với ngưỡng cản kỹ thuật khá mạnh là khoảng 513 điểm.

Thị trường dự báo sẽ có điều chỉnh khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật. Mốc hỗ trợ đối với thị trường là khoảng 503-505 điểm, lấp lại khoảng trống vừa thiết lập. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn, sau thời gian điều chỉnh. Giai đoạn dao động tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.46 điểm (0.72%), lên 64.39 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 63.32 điểm.

- KLGD tăng 11% so với phiên trước, lên 53 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 74, ở mức quá mua, tâm lý thị trường rất tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang nói rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước, cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Thị trường dự báo tiếp tục tăng điểm trong phiên ngày mai với ngưỡng cản kỹ thuật khá mạnh là khoảng 66 điểm.

Thị trường dự báo sẽ có điều chỉnh khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật. Mốc hỗ trợ đối với thị trường là khoảng 63 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn, sau thời gian điều chỉnh.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.4%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.4%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	39.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	49.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	45.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q3/2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.0%
4	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	39.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.4%
6	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.0%
7	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.4%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	49.0%
9	BVH	HOSE	2131.06	102.6%	280.51	102.6%	6337.23	101.5%	804.74	-15.5%	73.0%	24.1%
10	HAG	HOSE	599.3	25.0%	235.58	243.9%	2014.28	56.9%	606.16	117.7%	73.0%	38.4%

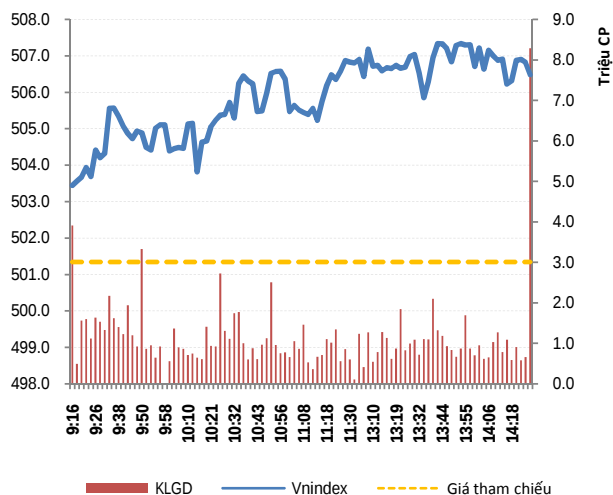
CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI KÍN ROOM

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	49.0%
2	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.0%
3	BMP	HOSE	523.37	111.6%	87.06	96.8%	1552.16	112.9%	282.92	8.8%	89.8%	49.0%
4	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	-13.3%	76.0%	49.0%
5	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	-63.9%	11.9%	49.0%
6	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.0%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	-3.2%	100.3%	49.0%
8	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	78.7%	0.0%	49.0%
9	VCS	HNX	462.39	180.8%	12.9	105.7%	1001.59	138.4%	48.57	38.7%	96.5%	49.0%
10	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	257.0%	110.4%	48.0%

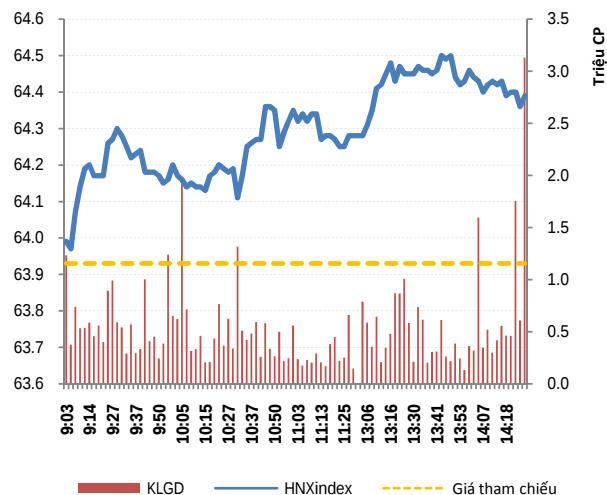
Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/11/2013

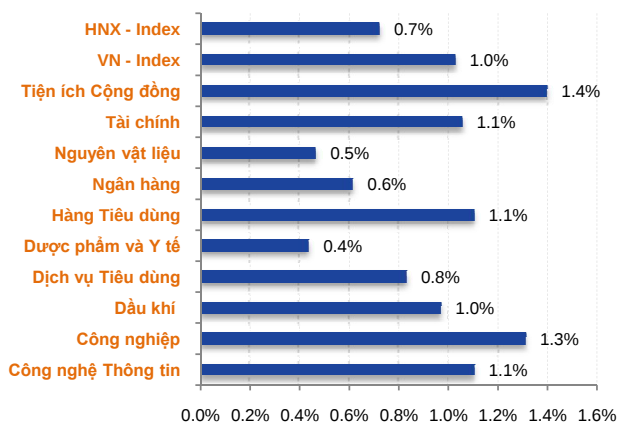
KLGD và VN-Index trong phiên



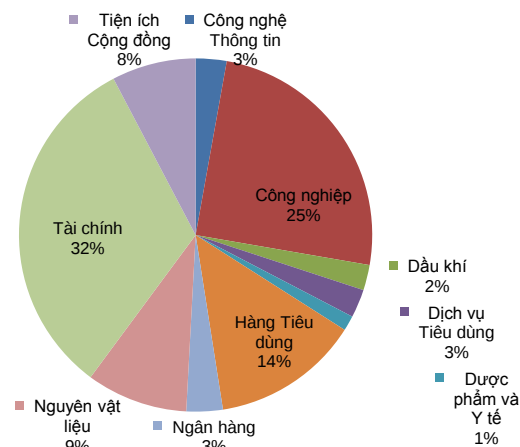
KLGD và HNX-Index trong phiên



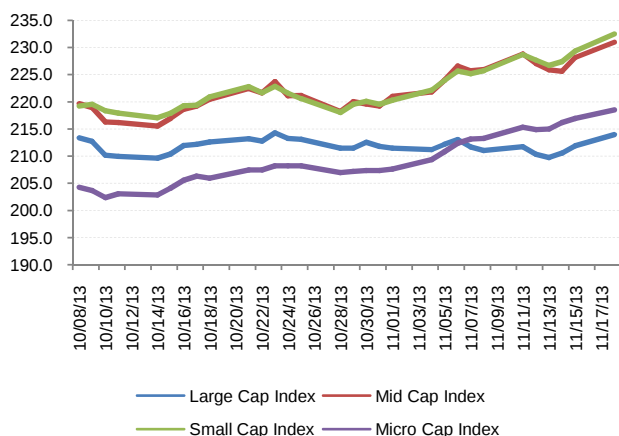
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



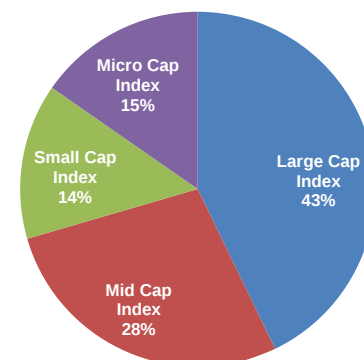
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VSH	220,150	NTL	596,450
2	SVC	160,000	HAG	430,840
3	NLG	140,000	VIC	244,680
4	PPC	135,430	VFMVF4	132,920
5	HPG	95,420	LCG	100,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VE1	75,600	SCR	215,000
2	BVS	66,000	PVS	111,200
3	TNG	12,500	KLS	78,200
4	VCM	5,800	PVI	34,400
5	SSM	5,000	PGS	23,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVT	10.3	10.9	↑ 5.83%	8,229,570
ITA	6.3	6.5	↑ 3.17%	7,425,470
FLC	5.5	5.8	↑ 5.45%	4,403,920
OGC	11.0	11.1	↑ 0.91%	3,336,410
HQC	7.1	7.2	↑ 1.41%	3,329,010

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.7	7.0	↑ 4.13%	5,572,309
PVX	2.6	2.6	↓ -1.65%	4,484,759
SHB	7.1	7.1	↑ 0.06%	3,701,219
KLS	8.7	8.8	↑ 0.84%	3,264,620
VCG	9.7	9.8	↑ 1.42%	2,332,500

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
VNI	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
LAF	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
HAS	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
FDG	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VNF	15.2	16.7	1.5	↑ 9.87%
FDT	36.5	40.1	3.6	↑ 9.86%
LM3	3.0	3.3	0.3	↑ 9.80%
PPE	2.0	2.2	0.2	↑ 9.75%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMS	33.0	30.7	-2.3	↓ -6.97%
RDP	14.5	13.6	-0.9	↓ -6.21%
BRC	10.8	10.2	-0.6	↓ -5.56%
TCO	11.0	10.4	-0.6	↓ -5.45%
SFC	18.5	17.5	-1.0	↓ -5.41%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BED	13.2	11.9	-1.3	↓ -9.85%
HHL	1.0	0.9	-0.1	↓ -9.80%
SEB	28.7	25.9	-2.8	↓ -9.76%
NPS	15.8	14.3	-1.5	↓ -9.49%
SDE	7.5	6.8	-0.7	↓ -9.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	8,229,570	5.9%	680	16.0	0.9
ITA	7,425,470	0.2%	26	252.2	0.6
FLC	4,403,920	6.3%	990	5.9	0.4
OGC	3,336,410	-0.4%	(39)	-	1.0
HQC	3,329,010	4.2%	452	15.9	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	5,572,309	-1.1%	(160)	-	0.5
PVX	4,484,759	-92.1%	(5,013)	-	0.7
SHB	3,701,219	17.1%	1,884	3.8	0.6
KLS	3,264,620	6.4%	810	10.9	0.7
VCG	2,332,500	3.4%	403	24.3	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 10.0%	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
VNI	↑ 7.0%	1.1%	109	42.1	0.5
LAF	↑ 6.9%	12.7%	773	10.0	1.1
HAS	↑ 6.8%	0.3%	61	76.5	0.2
FDG	↑ 6.7%	-44.2%	(3,306)	-	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
VNF	↑ 9.9%	15.5%	3,924	4.3	0.6
FDT	↑ 9.9%	8.6%	1,374	29.2	2.4
LM3	↑ 9.8%	-0.1%	(12)	-	0.3
PPE	↑ 9.7%	-13.1%	(988)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VSH	220,150	7.7%	963	15.2	1.1
SVC	160,000	5.8%	1,699	8.4	0.5
NLG	140,000	2.0%	259	65.7	1.3
PPC	135,430	39.7%	6,105	3.7	1.4
HPG	95,420	18.6%	3,913	10.1	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VE1	75,600	-20.0%	(1,521)	-	0.5
BVS	66,000	6.9%	1,113	10.1	0.7
TNG	12,500	10.4%	1,665	6.5	0.7
VCM	5,800	6.3%	1,319	8.1	0.5
SSM	5,000	10.4%	1,622	4.9	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	40.9%	6,696	9.7	3.7
VNM	118,353	40.5%	8,053	17.6	7.0
VCB	69,059	9.8%	1,757	17.0	1.7
CTG	64,043	16.0%	2,287	7.5	1.3
VIC	60,885	47.1%	6,710	10.0	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,041	17.3%	2,872	6.3	1.1
SHB	6,380	17.1%	1,884	3.8	0.6
OCH	4,800	6.5%	549	43.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	2.75	1.3%	72	33.5	0.4
GMD	2.38	4.3%	1,729	17.7	0.8
PXM	2.33	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
DIG	2.23	0.2%	28	431.9	0.7
OGC	2.09	-0.4%	(39)	-	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	6.58	1.3%	135	26.6	0.3
CVN	4.86	-43.4%	(4,323)	-	0.3
SDH	4.73	-16.1%	(1,276)	-	0.8
PVV	4.27	-26.7%	(2,364)	-	0.4
PFL	4.12	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)